

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000131 ngày 24 tháng 12 năm 2003 với tên gọi Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đã đổi số đăng ký kinh doanh thành số 0500444772.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ và thay đổi tên công ty. Trong đó giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 221 6425
- Fax : 0243 221 6423

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, kính xây dựng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: kinh doanh dịch vụ bất động sản như dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, tư vấn, môi giới, định giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: công nghiệp, công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty được bổ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 8 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Vũ Trọng Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Hoàng Văn Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Phùng Minh Bằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phùng Minh Bằng	Trưởng ban	Ngày 14 tháng 8 năm 2018
Bà Ngô Thị Thúy Hương	Thành viên	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Trần Anh Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Bùi Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Vũ Tuấn Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lê Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Huy Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2018
Ông Đào Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Phạm Trường Tam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)


đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng giám đốc 



Vũ Trọng Hùng

Ngày 29 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 29 tháng 5 năm 2019, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tình hình tài chính và ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Một số khoản công nợ phải thu khách hàng, nợ phải trả người bán và nhận ủy thác đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan với số tiền tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 126.421.793.568 VND, 87.449.403.413 VND và 3.787.028.002 VND thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 154.728.358.682 VND, 121.735.776.261 VND và 4.643.028.002 VND (xem thuyết minh V.3, V.11, V.15a).
- Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất số V.10 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, trong năm Tập đoàn kí hợp đồng chuyển nhượng dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn Thanh Hóa cho Tổng công ty Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP tuy nhiên hợp đồng không ghi rõ danh mục tài sản và khối lượng công việc chuyển nhượng. Tập đoàn đã phản ánh vào kết quả kinh doanh theo giá trị thanh toán đợt một, mặc dù hai bên chưa thực hiện nghiệm thu khối lượng thực hiện của hợp đồng và các tài sản bàn giao. Nếu không ghi nhận khoản chuyển nhượng này “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “giá vốn hàng bán” trên Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm sẽ cùng giảm số tiền 34.602.372.895 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.10 về Dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh, Nhơn Trạch, Đồng Nai được phản ánh trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 20.898.229.995 VND. Dự án đang bị chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2019, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 30.586.599.547 VND và 18.578.746.628 VND, Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 9.978.223.604 VND, ngoài ra khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 68.192.382.574 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963- 2015-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.159.269.232	510.323.551.968
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.222.500.196	41.831.571.959
1. Tiền	111		1.104.711.741	6.213.783.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.117.788.455	35.617.788.455
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.869.434.290	1.685.325.590
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.469.268.981	3.619.268.981
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.019.834.691)	(1.933.943.391)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	26.420.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		275.583.622.133	318.105.387.410
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	277.026.380.995	316.886.939.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.865.861.770	8.090.033.650
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	13.488.711.431	13.812.346.965
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(23.797.332.063)	(20.683.933.175)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		109.161.168.989	131.430.481.247
1. Hàng tồn kho	141	V.6	115.062.627.646	137.331.939.904
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(5.901.458.657)	(5.901.458.657)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.322.543.624	17.270.785.762
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	3.516.038.488	8.830.330.281
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.806.505.136	8.440.455.481
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.236.760.881	136.807.131.566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.184.306.212	29.611.502.783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	27.148.122.874	29.546.372.781
<i>Nguyên giá</i>	222		37.677.482.094	38.808.421.145
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.529.359.220)	(9.262.048.364)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	36.183.338	65.130.002
<i>Nguyên giá</i>	228		156.840.000	156.840.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(120.656.662)	(91.709.998)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	42.167.836.965	73.611.212.079
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		20.898.229.995	20.898.229.995
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21.269.606.970	52.712.982.084
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.687.940.581	10.387.739.581
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13.507.940.581	16.387.739.581
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2d	11.180.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.196.677.123	23.196.677.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	23.196.677.123	23.196.677.123
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		539.396.030.113	647.130.683.534

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		460.561.184.779	558.317.614.596
I. Nợ ngắn hạn	310		458.745.868.779	528.902.298.596
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	251.958.868.458	232.458.950.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	43.554.518.188	97.606.130.203
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	16.952.562.398	17.161.982.783
4. Phải trả người lao động	314		3.285.993.526	3.213.675.662
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.246.208.552	8.854.168.517
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		250.378.255	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	22.646.154.847	22.667.085.466
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	109.351.750.736	145.291.762.115
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.499.433.819	1.648.543.819
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.815.316.000	29.415.316.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1.500.000	1.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.813.816.000	29.413.816.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.834.845.334	88.813.068.938
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	78.834.845.334	88.813.068.938
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.412.622.500	25.412.622.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		213.538.854	213.538.854
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.256.346.554	10.256.346.554
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(68.192.382.574)	(58.214.158.970)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(58.214.158.970)	(58.214.158.970)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(9.978.223.604)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		539.396.030.113	647.130.683.534

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 5 năm 2019





Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Danh Sơn

Vũ Trọng Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	320.901.138.150	284.830.428.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.824.122.402	1.976.817.902
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		313.077.015.748	282.853.610.364
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	297.413.356.406	265.902.122.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.663.659.342	16.951.488.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.764.984.127	30.324.248.931
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13.524.273.684	53.136.252.266
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.387.394.831	18.770.114.719
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.110.523.115	4.135.647.287
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.241.723.269	28.258.488.357
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.447.876.599)	(38.254.650.902)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	576.917.851	15.662.071.650
13. Chi phí khác	32	VI.9	107.264.856	20.817.977.059
14. Lợi nhuận khác	40		469.652.995	(5.155.905.409)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.978.223.604)	(43.410.556.311)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	970.771.335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.978.223.604)	(44.381.327.646)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(9.978.223.604)	(44.381.327.646)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(898)	(3.993)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(898)	(3.993)

Lập, ngày 29 tháng 5 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Danh Sơn

Vũ Trọng Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.978.223.604)	(43.410.556.311)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	1.830.619.972	2.219.456.145
- Các khoản dự phòng	03		3.199.290.188	15.387.062.644
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.304.594.149)	(2.041.706.698)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.387.394.831	18.770.114.719
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.134.487.238	(9.075.629.501)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43.042.316.734	141.561.722.990
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.269.312.258	9.184.965.413
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.067.308.438)	(46.876.423.689)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.314.291.793	12.805.437.199
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		150.000.000	1.405.710.590
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.387.394.831)	(18.770.114.719)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.820.728.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(149.110.000)	(242.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.306.594.754	88.172.199.463
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.335.407.399)	(9.811.143.798)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		36.948.427.440	17.325.331.799
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.091.693.026)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(37.600.000.000)	14.781.105.332
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(28.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.879.799.000	28.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.731.525.821	2.237.179.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(375.655.138)	12.440.779.664

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.16a,b	181.302.117.095	233.693.018.520
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.16a,b	(244.842.128.474)	(345.540.840.283)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(63.540.011.379)</i>	<i>(111.848.321.763)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(34.609.071.763)	(11.235.342.636)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	41.831.571.959	53.066.914.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	7.222.500.196	41.831.571.959

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 29 tháng 5 năm 2019



Vũ Trọng Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác cát, đá sỏi, đất sét; xây dựng nhà các loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp trong xây dựng; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khí công nghiệp, khí gas); sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thông tin về Công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco có trụ sở chính tại số nhà B28, TT12 khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác và khai khoáng khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2018, công ty con không thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty con đang bị Chi cục Thuế quận Hà Đông áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do có số tiền quá hạn nộp theo Thông báo số 25833/QĐ-CCCT-QLN ngày 27 tháng 10 năm 2017.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 97 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 228 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiên, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí Ban quản lý dự án chưa phân bổ vào công trình. Các chi phí này được phân bổ khi ghi nhận doanh thu của các công trình.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	493.646.189	756.631.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	611.065.552	5.457.152.430
Các khoản tương đương tiền (*)	6.117.788.455	35.617.788.455
Cộng	<u>7.222.500.196</u>	<u>41.831.571.959</u>

(*) Trong đó, các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Tây, đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh thanh toán bao gồm:

<u>Hợp đồng tiền gửi</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Ngày gửi</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>
01-2016/HĐTĐ	1.500.000.000	11/12/2018	11/01/2019
04-2016/HĐTĐ	500.000.000	04/11/2018	04/02/2019
012017/178571/HĐTĐ	1.117.788.455	24/11/2018	24/02/2019
04/178571/HĐTĐ	3.000.000.000	24/10/2018	24/01/2019
Cộng	<u>6.117.788.455</u>		

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (HOM)	1.565.530.000	332.500.000(1.233.030.000)	1.565.530.000	389.500.000(1.176.030.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (SCC)	770.500.000	35.310.000 (735.190.000)	770.500.000	64.200.000 (706.300.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (PCT)	1.032.200.000	980.590.000 (51.610.000)	1.032.200.000	980.590.000 (51.610.000)
Cổ phiếu khác	101.038.981	159.614.290 (4.691)	251.038.981	512.093.300 (3.391)
Cộng	3.469.268.981	1.508.014.290 (2.019.834.691)	3.619.268.981	1.946.383.300 (1.933.943.391)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh: do bán cổ phiếu đã đầu tư

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.933.943.391	2.714.011.163
Trích lập dự phòng bổ sung	165.846.010	250.470.100
Hoàn nhập dự phòng	(79.954.710)	(51.614.490)
Sử dụng dự phòng		(978.923.382)
Số cuối năm	2.019.834.691	1.933.943.391

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, đã được cầm cố để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ theo Thư báo lãnh thanh toán, bao gồm:

Hợp đồng tiền gửi	Số tiền	Ngày gửi	Ngày đáo hạn
02-2016/HDTG	10.000.000.000	19/7/2018	19/7/2019
03-2016/HDTG	10.000.000.000	25/7/2018	25/7/2019
01-2018/HDTGCKH	3.500.000.000	05/7/2018	05/1/2019
02/178571/HDTG	1.520.000.000	21/12/2018	21/6/2019
02/HDTG	1.600.000.000	27/8/2018	27/8/2019
Cộng	26.420.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7			2.879.799.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkĐrinh	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăktrih	7.207.940.581		7.207.940.581	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.500.000.000)
Cộng	13.507.940.581	(6.000.000.000)	16.387.739.581	(6.000.000.000)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.000.000.000	
Trích lập dự phòng bổ sung		6.000.000.000
Số cuối năm	6.000.000.000	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Là trái phiếu mua của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn 84 tháng và 120 tháng kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giá trị lần lượt là 6.710.000.000 VND và 4.470.000.000 VND, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn Ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi + 1% (một phần trăm)/năm, trả lãi sau khi đáo hạn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành Liên danh PK2 Dự án Xây dựng Quốc lộ 3 mới	19.799.298.937	19.799.298.937
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	17.994.658.033	51.333.682.619
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Hà Nội	36.626.935.480	36.817.964.480
BDH dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	39.425.627.431	35.189.952.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	26.975.443.233	26.975.443.233
Ban điều hành các Dự án của PVC tại phía Nam	20.655.273.451	6.199.786.263
Phải thu các khách hàng khác	<u>115.549.144.430</u>	<u>140.570.811.482</u>
Cộng	<u>277.026.380.995</u>	<u>316.886.939.970</u>

Trong đó, công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 126.421.793.568 VND và 154.728.358.682 VND.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	10.712.321.382	(2.430.157.835)	11.017.495.348	(1.179.435.785)
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	600.000.000		600.000.000	
Ký cược, ký quỹ	4.800.000			
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Long Thành	500.000.000	(250.000.000)	500.000.000	
Các cá nhân khác	<u>1.671.590.049</u>	<u>(1.600.829.857)</u>	<u>1.694.851.617</u>	<u>(619.857.293)</u>
Cộng	<u>13.488.711.431</u>	<u>(4.280.987.692)</u>	<u>13.812.346.965</u>	<u>(1.799.293.078)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí	5.323.419.476	5.323.419.476	5.323.419.476	5.323.419.476
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN	1.649.863.857	1.649.863.857	1.649.863.857	1.649.863.857
Công ty TNHH Hưng Phát	1.259.196.466	1.259.196.466	1.259.196.466	1.259.196.466
Công ty Xây lắp và Sản xuất Vật liệu Xây dựng số 1 Sico	2.321.960.636	2.321.960.636	2.321.960.636	2.321.960.636
Chi nhánh Công ty Sông Đà 4.10	1.850.340.014	553.286.200	1.850.340.014	1.297.053.814
Công ty Cổ phần Hàng Kênh	2.934.075.957	500.000.000	2.934.075.957	2.434.075.957
Các đối tượng khác	7.988.659.909	2.525.399.344	4.259.496.630	4.259.496.630
Ông Lê Văn Cường	397.861.368	397.861.368	397.861.368	706.802
Ông Đào Xuân Dương	162.980.578	162.980.578	162.980.578	162.980.578
Ông Nguyễn Thế Lanh	872.586.490	872.586.490	872.586.490	436.293.245
Ông Phan Văn Mạnh	357.522.291	357.522.291	357.522.291	178.761.146
Ông Nguyễn Kiên Thiết	133.245.950	133.245.950	133.245.950	133.245.950
Ông Phùng Xuân Nam	880.461.637	880.461.637	880.461.637	440.230.819
Các cá nhân khác	1.881.964.302	638.121.324	612.207.561	390.200.036
Cộng	28.014.138.951	6.742.206.212	23.797.332.063	20.683.933.175
Trong đó:				
Phải thu khách hàng	22.845.029.915	3.328.685.544	19.516.344.371	18.565.580.436
Phải thu khác	2.146.371.375	295.541.518	1.850.829.857	938.916.954
Tạm ứng	3.022.737.641	592.579.806	2.430.157.835	1.179.435.785

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	20.683.933.175	13.163.010.282
Trích lập dự phòng bổ sung	3.119.027.529	7.520.922.893
Hoàn nhập dự phòng	(5.628.641)	
Số cuối năm	<u>23.797.332.063</u>	<u>20.683.933.175</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.144.234.194			
Công cụ, dụng cụ			4.533.460	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	107.531.300.582	(2.236.069.194)	131.940.313.574	(2.236.069.194)
Hàng hóa	5.387.092.870	(3.665.389.463)	5.387.092.870	(3.665.389.463)
Cộng	<u>115.062.627.646</u>	<u>(5.901.458.657)</u>	<u>137.331.939.904</u>	<u>(5.901.458.657)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.901.458.657	4.068.763.926
Trích lập dự phòng bổ sung		1.832.694.731
Số cuối năm	<u>5.901.458.657</u>	<u>5.901.458.657</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dự án nhiệt điện Thái Bình 2	3.366.485.600	3.853.435.500
Chi phí cấp cát công trình Huội Quảng		1.510.871.688
Chi phí dây truyền nghiền sàng 1,2		1.824.797.424
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	149.552.888	1.641.225.669
Cộng	<u>3.516.038.488</u>	<u>8.830.330.281</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí ở mỏ đá trạm nghiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.732.983.845	7.553.067.500	3.297.358.436	225.011.364	38.808.421.145
XDCB hoàn thành	1.176.409.618				1.176.409.618
Thanh lý, nhượng bán	(1.077.107.982)	(1.230.240.687)			(2.307.348.669)
Số cuối năm	27.832.285.481	6.322.826.813	3.297.358.436	225.011.364	37.677.482.094
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		213.128.400	2.268.876.618	140.911.364	2.622.916.382
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.427.052.051	3.247.161.069	2.404.668.889	183.166.355	9.262.048.364
Khấu hao trong năm	848.876.495	701.248.448	228.461.697	23.086.668	1.801.673.308
Thanh lý, nhượng bán	(380.582.362)	(153.780.090)			(534.362.452)
Số cuối năm	3.895.346.184	3.794.629.427	2.633.130.586	206.253.023	10.529.359.220
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.305.931.794	4.305.906.431	892.689.547	41.845.009	29.546.372.781
Số cuối năm	23.936.939.297	2.528.197.386	664.227.850	18.758.341	27.148.122.874
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.304.729.361 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây.

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình, phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	156.840.000	(91.709.998)	65.130.002
Khấu hao trong năm		(28.946.664)	(28.946.664)
Số cuối năm	156.840.000	120.656.662	36.183.338

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiên, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản	2.963.349.519				2.963.349.519
Xây dựng cơ bản dở dang	70.647.862.560	4.335.407.399	(1.176.409.618)	(34.602.372.895)	39.204.487.446
Sửa chữa nhà máy		1.176.409.618	(1.176.409.618)		
Hạ tầng KCN 1 và khu vực kết vật tư phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa(*)	49.749.632.565	3.158.997.781		(34.602.372.895)	18.306.257.451
Hạ tầng khu dân cư xã Vĩnh Thanh, huyện Thọ Sơn, Tĩnh Lãng(**)	20.898.229.995				20.898.229.995
Cộng	73.611.212.079	4.335.407.399	(1.176.409.618)	(34.602.372.895)	42.167.836.965

(*) Chuyển nhượng dự án trong năm cho Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát – CTCP theo Biên bản thỏa thuận ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Hợp đồng kinh tế ký ngày 25 tháng 5 năm 2018 số tiền chuyển nhượng là 56.980.000.000 VND. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng này được Công ty Cổ phần SDP cam kết sử dụng để tất toán các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/2014/178571/HĐTD ngày 28 tháng 11 năm 2014 và thu nợ các khoản vay khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, hoặc dùng làm tài sản đảm bảo tại cùng ngân hàng. Số tiền chuyển nhượng dự án sẽ được thanh toán vào 2 đợt: đợt 1 thanh toán 35.000.000.000 VND sau khi ký biên bản thỏa thuận (đã chuyển tiền vào ngày 22 tháng 8 năm 2018), đợt 2 thanh toán 21.980.000.000 VND trong vòng 90 ngày kể từ ngày chuyển tiền đợt 1. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2018, Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát – CTCP vẫn chưa chuyển trả đủ số tiền còn lại. Hợp đồng không ghi rõ điều khoản nội dung mua bán, hai bên chưa thực hiện nghiệm thu khối lượng thực hiện của hợp đồng và các tài sản chuyển nhượng.

(**) Dự án đang chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sơn dẻo nhiệt Synthetic	12.489.757.948	12.489.757.948
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	31.630.530.188	31.630.530.188
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Seen	30.685.110.925	30.685.110.925
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại - Dịch vụ Tân Vũ	26.475.255.629	4.688.243.560
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	24.626.208.500	26.651.438.700
Công ty TNHH Thương mại Thành An	14.786.726.200	437.568.200
Phải trả các nhà cung cấp khác	111.265.279.068	125.876.300.510
Cộng	251.958.868.458	232.458.950.031

Trong đó, công nợ phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 87.449.403.413 VND và 121.735.776.261 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiên, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành Nhà máy nhiệt điện Thái Bình	7.696.412.419	14.322.903.062
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới Lắp máy dầu khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	32.801.651.937	74.277.818.349
Các khách hàng khác	2.046.653.832	7.995.608.792
Cộng	43.554.518.188	97.606.130.203

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.819.092.886	(1.819.092.886)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		381.675.484	(381.675.484)	
Thuế xuất, nhập khẩu		336.095.527	(336.095.527)	
Thuế TNDN				
Thuế thu nhập cá nhân	636.981.161	196.592.152	(163.320.198)	670.253.115
Thuế nhà đất	38.795.947		(38.795.947)	
Tiền thuê đất	3.245.699.846			3.245.699.846
Các loại thuế khác	228.499.231	62.692.053	(266.588.445)	24.602.839
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.012.006.598	9.000.000	(9.000.000)	13.012.006.598
Cộng	17.161.982.783	2.805.148.102	(3.014.568.487)	16.952.562.398

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	5.272.359.112	5.612.539.605
Chi phí các công trình khác	3.973.849.440	2.553.615.383
Chi phí thuê văn phòng		200.000.000
Các chi phí khác		488.013.529
Cộng	9.246.208.552	8.854.168.517

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	86.223.212	
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	239.547.360	234.312.940
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.926.231.390	8.927.731.390
Tiền đền bù mỏ đá Hang Làng	4.913.917.000	4.913.917.000
Tiền đặt cọc	444.000.000	980.300.000
Tiền bảo hiểm công trình	700.000.000	700.000.000
Các quỹ tự nguyện	939.958.280	1.218.595.074
Huy động vốn cá nhân	23.112.283	22.000.000
Cổ tức giữ hộ	1.326.839.308	666.506.208
Quỹ công đoàn	9.845.656	2.940.715
Tiền chậm nộp bảo hiểm	19.559.658	
Nhận ủy thác đầu tư(*)	3.787.028.002	4.643.028.002
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.229.892.698	357.754.137
Cộng	22.646.154.847	22.667.085.466

(*) Khoản nhận ủy thác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 chưa có đối chiếu công nợ.

15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	105.751.750.736	143.941.542.115
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	105.751.750.736	122.995.845.841
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾		20.945.696.274
Vay ngắn hạn các cá nhân khác		1.350.220.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	3.600.000.000	
Cộng	109.351.750.736	145.291.762.115

(i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 01/2017/178571/HĐTD ngày 18 tháng 8 năm 2017, dư nợ tối đa là 380.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp là xe ô tô 7 chỗ Toyota Fortuner.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28881.17.002.40709.TD ngày 29 tháng 11 năm 2017, dư nợ tối đa là 50.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động hoạt động thi công xây lắp, kinh doanh thương mại vật tư công nghiệp và hạt nhựa. Lãi suất thả nổi, thời hạn tối đa 9 tháng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tiền - thẻ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi - giấy tờ có giá tại Ngân hàng TMCP Quân đội và bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	143.941.542.115	179.017.117.095		(217.206.908.474)	105.751.750.736
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.350.220.000	2.285.000.000		(3.635.220.000)	
Vay dài hạn đến hạn trả			3.600.000.000		3.600.000.000
Cộng	145.291.762.115	181.302.117.095	3.600.000.000	(220.842.128.474)	109.351.750.736

16b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây bao gồm 2 hợp đồng:

- Khoản vay theo hợp đồng vay số 03/2014/178571/HĐTD ngày 28 tháng 11 năm 2014 để đầu tư xây dựng hạ tầng 16ha – Khu số 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa. Số tiền vay là 34.400.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả sau cộng (+) phí Ngân hàng 3,5%/năm.
- Khoản vay theo hợp đồng vay số 02/2015/178571/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2015 để đầu tư Văn phòng làm việc mới của Công ty tại tầng 12, tòa nhà Licogi 13, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội. Số tiền vay là 17.000.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả sau cộng (+) tối thiểu 4%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.413.816.000	38.953.816.000
Số tiền vay đã trả	(24.000.000.000)	(9.540.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.600.000.000)	
Số cuối năm/kỳ	1.813.816.000	29.413.816.000

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	965.652.330		965.652.330
Quỹ phúc lợi	682.891.489	(149.110.000)	533.781.489
Cộng	1.648.543.819	(149.110.000)	1.499.433.819

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licoji 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	8.594.613.949	(2.106.931.096)	143.258.564.207
Lợi nhuận năm trước					(44.381.327.646)	(44.381.327.646)
Trích lập các quỹ				1.661.732.605	(2.834.322.628)	(1.172.590.023)
Giảm trong năm					(8.891.577.600)	(8.891.577.600)
Số dư cuối năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(58.214.158.970)	88.813.068.938
Số dư đầu năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(58.214.158.970)	88.813.068.938
Lợi nhuận năm nay					(9.978.223.604)	(9.978.223.604)
Số dư cuối năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(68.192.382.574)	78.834.845.334

18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.114.472	11.114.472
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.699,65	2.727,75
Euro (EUR)	59,85	72,38

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.474.113.871	87.990.478.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.157.473.894	5.728.765.824
Doanh thu hoạt động xây dựng	270.667.177.490	190.925.911.049
Doanh thu bán dự án	34.602.372.895	
Doanh thu hoạt động khác		185.272.727
Cộng	<u>320.901.138.150</u>	<u>284.830.428.266</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	7.824.122.402	76.725.500
Giảm giá hàng bán		1.900.092.402
Cộng	<u>7.824.122.402</u>	<u>1.976.817.902</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	14.223.015.097	84.682.478.788
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.309.031.383	4.648.021.020
Giá vốn hoạt động xây dựng	244.454.139.607	175.836.349.752
Giá vốn bán dự án	34.602.372.895	
Giá vốn hoạt động khác	1.824.797.424	735.272.727
Cộng	<u>297.413.356.406</u>	<u>265.902.122.287</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.354.402.217	1.820.381.423
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.759.024	19.509.580
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	27.419.424	21.210.095
Cổ tức, lợi nhuận được chia	377.123.604	416.797.934
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.279.858	46.349.899
Thu từ chuyển nhượng vốn góp tại công ty con ⁽¹⁾		28.000.000.000
Cộng	<u>1.764.984.127</u>	<u>30.324.248.931</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	13.387.394.831	18.770.114.719
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh		197.335.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	48.777.901	88.500.048
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.209.652	20.822.703
Lỗ chuyển nhượng công ty con ⁽ⁱ⁾		28.000.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	85.891.300	6.033.445.020
Chi phí tài chính khác		26.034.506
Cộng	<u>13.524.273.684</u>	<u>53.136.252.266</u>

(i) Là thu nhập và chi phí chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Bất động sản SDP - Sao Vàng. Thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 36/2017/HĐNT ngày 9 tháng 5 năm 2017, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bất động sản SDP - Sao Vàng với số tiền tương ứng với chi phí đã đầu tư vào dự án khu dân cư số 7, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình được các bên thống nhất là 28.000.000.000 VND. Tháng 9 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Bất động sản SDP - Sao Vàng cho Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Vàng với giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 VND.

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	79.534.341	1.147.149.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định		54.216.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	923.841.065	2.527.392.839
Các chi phí khác	107.147.709	406.888.366
Cộng	<u>1.110.523.115</u>	<u>4.135.647.287</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.650.158.234	6.383.809.499
Chi phí vật liệu quản lý	589.554.124	1.141.401.271
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.742.000	63.439.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.771.627	757.753.755
Thuế, phí và lệ phí	475.699.876	27.393.152
Dự phòng phải thu khó đòi	3.113.398.888	7.520.922.893
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		1.832.694.731
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại		4.769.231.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.516.829.936	2.039.755.977
Các chi phí khác	2.347.568.584	3.722.085.803
Cộng	<u>13.241.723.269</u>	<u>28.258.488.357</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ chuyển nhượng mỏ đá Hang Làng		10.534.903.115
Thu nhập từ cho thuê đất và tài sản Ba Lang		5.000.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	573.068.328	
Đánh giá tăng các tài sản tại thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp		127.168.535
Thu nhập khác	3.849.523	
Cộng	<u>576.917.851</u>	<u>15.662.071.650</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		195.472.659
<i>Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản</i>		<i>(2.271.681.568)</i>
<i>Giá trị còn lại của Tài sản thanh lý</i>		<i>2.357.290.227</i>
<i>Chi phí thanh lý tài sản</i>		<i>109.864.000</i>
Giá trị còn lại của mỏ đá Hang Làng		13.983.606.766
Thuế bị phạt, bị truy thu	62.692.053	6.583.387.377
Phạt chậm nộp bảo hiểm	25.479.802	25.208.536
Chi phí khác	19.093.001	30.301.721
Cộng	<u>107.264.856</u>	<u>20.817.977.059</u>

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.978.223.604)	(44.381.327.646)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(9.978.223.604)	(44.381.327.646)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.114.472	11.114.472
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(898)</u>	<u>(3.993)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.281.862.194	149.774.550.963
Chi phí nhân công	20.669.208.977	17.705.071.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.830.619.972	2.219.456.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.732.231.901	17.369.010.473
Chi phí khác	6.330.462.569	26.522.157.574
Cộng	<u>223.844.385.613</u>	<u>213.590.246.871</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về tạm ứng		70.013.997
Phải trả về tiền lương và thù lao	338.700.000	127.050.000
Phải trả khác		12.960.000
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và thù lao được hưởng	1.359.365.217	1.675.528.043

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên Tập đoàn không lập Báo cáo bộ phận.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Một số chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(8.177.316.288)	(12.506.616.887)	(20.683.933.175)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3.665.389.463)	(2.236.069.194)	(5.901.458.657)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		20.898.229.995	20.898.229.995
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	73.611.212.079	(20.898.229.995)	52.712.982.084
Lợi thế thương mại	269	3.179.487.686	(3.179.487.686)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	879.673.500	16.282.309.283	17.161.982.783
Phải trả ngắn hạn khác	319	18.024.057.464	4.643.028.002	22.667.085.466
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	34.056.844.002	(4.643.028.002)	29.413.816.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(24.009.675.920)	(34.204.483.050)	(58.214.158.970)

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Giá vốn hàng bán	11	253.729.512.602	12.172.609.685	265.902.122.287
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.079.000.671	3.179.487.686	28.258.488.357
Chi phí khác	32	16.708.277.461	4.109.699.598	20.817.977.059
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(2.242)	(1.751)	(3.993)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(2.242)	(1.751)	(3.993)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế	01	(23.948.759.342)	(19.461.796.969)	(43.410.556.311)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	138.382.235.304	3.179.487.686	141.561.722.990
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(63.158.732.972)	16.282.309.283	(46.876.423.689)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 30.586.599.547 VND và 18.578.746.628 VND, Công ty tiếp tục bị lỗ 9.978.223.604 VND, ngoài ra khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 68.192.382.574 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, một số nhà cung cấp cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu và hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu Tập đoàn hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu và tài sản cố định cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lập, ngày 29 tháng 5 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Hùng

